

Số: 295 /BC-BV

Than Uyên, ngày 21 tháng 10 năm 2026

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng (Từ ngày 01/7/2019 đến ngày 30/6/2026)**

## **I. KHÁI QUÁT CHUNG**

### **1. Đặc điểm tình hình**

Bệnh viện Đa khoa Than Uyên xếp hạng II, xếp cấp chuyên môn cơ bản; kế hoạch giao 220 giường bệnh, 02 phòng chức năng, 13 khoa chuyên môn. Tổng số biên chế có 204 viên chức, người lao động. Trình độ chuyên môn Sau Đại học 33 đạt 16,3%; Đại học, Cao đẳng 153 người đạt 75,4%; Trung cấp 7 người đạt 3,4%; chưa đào tạo 11 người đạt 4,9%<sup>(1)</sup>.

Đơn vị thực hiện nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân trên địa bàn phụ trách; quản lý, sử dụng nguồn lực nhà nước, thực hiện các hoạt động chuyên môn, mua sắm, đấu thầu thuốc, vật tư y tế, quản lý tài chính, tài sản, tổ chức cán bộ, giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) và trực tiếp cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh cho người dân. Đây là những lĩnh vực đòi hỏi phải tăng cường công khai, minh bạch, kiểm soát quyền lực, trách nhiệm giải trình và phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Từ 01/01/2026, Bệnh viện đa khoa Than Uyên (*Gọi chung là bệnh viện*) được tổ chức lại trên cơ sở Trung tâm Y tế<sup>(2)</sup>. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy tác động trực tiếp đến công tác quản lý tài sản, tổ chức cán bộ, phân công nhiệm vụ, nhân lực và hoạt động chuyên môn của đơn vị, tuy nhiên bệnh viện đã tập trung thực hiện ổn định tổ chức hoạt động, không bị gián đoạn.

### **2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai**

Thường xuyên tổ chức triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng; chú trọng tuyên truyền, quán triệt các quy định liên quan đến phòng ngừa tham nhũng, trách nhiệm của người đứng đầu, trách nhiệm thực thi nhiệm vụ của viên chức, người lao động. Công tác rà soát, thực hiện chuyển đổi vị trí được thực hiện công khai, minh bạch, khách quan, đúng đối tượng và gắn với yêu cầu duy trì hoạt động chuyên môn.

<sup>1</sup> 49 Bác sỹ, đạt 24,1% (trong đó 02 BSCKII, 29 BSCKI; 16 BSKĐ, 02 BSYHCT); 01 Y sỹ, chiếm 0,5%; 88 ĐD, đạt 43,5% (trong đó 76 ĐH; 10 CĐ; 02 TC); 11 NHS, đạt 5,4% (trong đó 06 ĐH; 4 CĐ; 01 TC); 09 KTV, đạt 4,4% (trong đó 03 ĐH; 05 CĐ, 01 TC); 21 Dược, đạt 10,4% (trong đó 01 thạc sỹ, 10 ĐH; 10 cao đẳng); 03 CN YTCC, đạt 1,4%; trình độ khác 11 đạt 4,9% (trong đó thạc sỹ 01, đại học 07, cao đẳng 01, trung cấp 02) chưa qua đào tạo 11, chiếm 5,4% (Hộ lý, lao động HĐ).

<sup>2</sup> Chuyển chức năng, nhiệm vụ YTDP, dân số về Trạm Y tế và bàn giao 4 Trạm Y tế về UBND cấp xã quản lý.

Ban hành các chương trình, kế hoạch, văn bản quán triệt, triển khai thực hiện công tác PCTNTC<sup>3</sup>. Các khoa, phòng tích cực triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả nhiệm vụ công tác PCTNTC, gắn với thực hiện Kết luận số 05-KL/TW ngày 03/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Bộ Chính trị trong công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Kế hoạch số 192/KH-SYT ngày 27/11/2023 của Sở Y tế về thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ về việc ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về phòng ngừa tham nhũng, nhất là thực

---

<sup>3</sup> Kế hoạch số 81/KH-TTYT ngày 03/02/2023 về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023; Kế hoạch số 183/KH-TTYT ngày 10/3/2023 về việc điều động bổ nhiệm, chuyển đổi vị trí công tác giai đoạn 2023-2025; Kế hoạch số 1301/KH-TTYT ngày 18/11/2023 về việc điều động bổ nhiệm, chuyển đổi vị trí công tác năm 2024; Kế hoạch số 445/KH-TTYT ngày 26/5/2023 về tự kiểm tra tự kiểm tra, chấm điểm công tác cải cách hành chính năm 2023; Công văn số 94/TTYT-TCHC ngày 08/02/2023 về việc tiếp tục triển khai thực hiện công tác phòng chống tham nhũng; Kế hoạch số 150-KH/ĐU ngày 30/6/2023 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 23/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Kế hoạch số 716/KH-TTYT ngày 31/7/2023 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 23/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Kế hoạch số 1407/KH-TTYT ngày 15/12/2023 về thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ về việc ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030; Kế hoạch số 143/KH-TTYT ngày 05/02/2024 về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024; Kế hoạch số 316/KH-TTYT ngày 25/03/2024 về tự kiểm tra tự kiểm tra, chấm điểm công tác cải cách hành chính năm 2024; Công văn số 162/TTYT-TCHC ngày 16/02/2024 về việc tiếp tục thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và triển khai Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 219-CV/ĐU ngày 09/10/2024 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng tiêu cực; Công văn số 245-CV/ĐU ngày 13/12/2024 về quán triệt, triển khai thực hiện Quy định số 189-QĐ/TW, ngày 08/10/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; Kế hoạch số 193/KH-TTYT ngày 17/02/2025 về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2025; Kế hoạch số 476/KH-TTYT ngày 02/4/2025 về tự kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2025; Kế hoạch số 343/KH-TTYT ngày 17/3/2025 về tự kiểm tra tự kiểm tra, chấm điểm công tác cải cách hành chính năm 2025; Công văn số 972/TTYT-TCHC ngày 18/6/2025 về việc chấn chỉnh thực thi công vụ, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Kế hoạch số 10-KH/ĐU ngày 07/8/2025 thực hiện Chỉ thị số 43-CT/TW, ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thành pháp luật Nhà nước; Kế hoạch số 35-KH/ĐU ngày 06/02/2026 thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TU, ngày 01/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong tình hình mới; Kế hoạch số 105/KH-BV ngày 09/02/2026 về chuyển đổi vị trí công tác phòng, chống tham nhũng năm 2026; Kế hoạch số 125/KH-BV ngày 26/01/2026 về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2026; Kế hoạch số 148/KH-BV ngày 28/01/2026 về tự kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2026; Kế hoạch số 319/KH-BV ngày 13/3/2026 về thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TU, ngày 01/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong tình hình mới; Công văn số 179-CV/ĐU ngày 03/8/2026 về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác nội chính, PCTNLPTC và CCTP; Kế hoạch số 950/KH-BV ngày 01/8/2026 về thực hiện Kế hoạch số 210/KH-SYT ngày 29/7/2026 của Sở Y tế thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 01/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới; Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Công văn số 853/CV-TCHC ngày 08/7/2026 về việc triển khai thực hiện một số nội dung của Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Nghị định số 184/2026/NĐ-CP ngày 25/5/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ; Kế hoạch số 63-KH/ĐU ngày 08/7/2026 về thực hiện Kế hoạch số 120-KH/ĐU ngày 03/7/2026 của Đảng ủy xã thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 01/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới; Quyết định 344/QĐ-BV ngày 24/6/2026 về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức năm 2026

hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn trong công tác cán bộ, sử dụng tài sản, tài chính, giải quyết TTHC, khám chữa bệnh, mua sắm, đấu thầu thuốc, vật tư y tế, quản lý tài sản và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động.

Các điều kiện về nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và dữ liệu phục vụ từng biện pháp phòng ngừa được lồng ghép trong hoạt động quản lý thường xuyên của Bệnh viện.

## **II. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG**

### **1. Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị**

#### **a) Kết quả thực hiện**

Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc, nội dung và hình thức công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, gắn với cải cách thủ tục hành chính. Tổ chức thực hiện việc công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của đơn vị theo quy định. Các nội dung được thực hiện, rà soát theo quy định gồm công tác cán bộ; quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ; quản lý tài chính, tài sản công; mua sắm, đấu thầu; thực hiện chế độ, chính sách; thủ tục khám bệnh, chữa bệnh, quyền và nghĩa vụ của người bệnh; các nội dung phải công khai theo quy định chuyên ngành. Việc cung cấp thông tin, tiếp nhận yêu cầu giải trình và xử lý phản ánh, kiến nghị phải bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thời hạn và quy định về bảo mật thông tin. Thực hiện nghiêm quy định phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí; tiếp nhận, xử lý yêu cầu cung cấp thông tin và thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định.

#### **b) Đánh giá việc thực hiện**

Việc công khai, minh bạch được duy trì thường xuyên, bảo đảm thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, dễ tiếp cận; phân định rõ thông tin phải công khai với thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước, bí mật chuyên môn, dữ liệu cá nhân và thông tin người bệnh.

#### **c) Kiến nghị: Không.**

### **2. Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ**

#### **a) Kết quả thực hiện**

Thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản công, thiết bị, thuốc, hóa chất, vật tư y tế và các nguồn lực theo quy định của pháp luật, quy chế nội bộ và các định mức, tiêu chuẩn hiện hành. Xây dựng, ban hành, rà soát, sửa đổi và tổ chức thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, các nội quy, quy định về quản lý, sử dụng tài sản, phương tiện, thiết bị; thực hiện các chế độ công tác phí, hội nghị, đào tạo, định mức chuyên môn và chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động theo quy định.

Tăng cường thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò tham gia giám sát của viên chức, người lao động đối với việc quản lý, sử dụng kinh phí và tài sản công; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định tại các khoa, phòng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

b) Đánh giá việc thực hiện

Đơn vị bảo đảm các định mức, tiêu chuẩn, chế độ được ban hành đúng thẩm quyền, phù hợp quy định hiện hành, công khai và thực hiện thống nhất; tăng cường kiểm soát đối với mua sắm, thanh toán, quản lý tài sản, thuốc và vật tư y tế là những lĩnh vực có giá trị kinh tế và nguy cơ rủi ro. Qua công tác kiểm tra, giám sát nội bộ chưa phát hiện hành vi vi phạm về việc sử dụng tài chính, tài sản nhà nước sai quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn phải xử lý.

c) Kiến nghị cụ thể: Không

### **3. Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn**

a) Kết quả thực hiện

Thường xuyên phổ biến và thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, quy định về những việc viên chức không được làm; thực hiện các quy định về nghĩa vụ, đạo đức, văn hóa giao tiếp; yêu cầu viên chức, người lao động ứng xử đúng mực với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp; không gây phiền hà, sách nhiễu, nhận tiền hoặc lợi ích trái quy định. Triển khai thực hiện tốt việc “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng người bệnh”. Thực hiện đúng quy định về tặng quà, nhận quà tặng; báo cáo, nộp lại và xử lý quà tặng; kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm theo quy định.

b) Đánh giá việc thực hiện

Việc thực hiện quy tắc ứng xử có ý nghĩa trực tiếp đối với chất lượng phục vụ, niềm tin của người bệnh đối với dịch vụ y tế và phòng ngừa hành vi vụ lợi trong thực thi nhiệm vụ. Bảo đảm việc tiếp nhận phản ánh thuận tiện, xử lý khách quan, bảo vệ người phản ánh theo quy định và làm rõ trách nhiệm của cá nhân, người quản lý khi có vi phạm.

c) Kiến nghị cụ thể: Không.

### **4. Chuyển đổi vị trí công tác**

a) Kết quả thực hiện

Thường xuyên rà soát, xác định vị trí công tác, đối tượng, thời hạn phải định kỳ chuyển đổi; xây dựng, ban hành, công khai và tổ chức thực hiện theo kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo giai đoạn, hàng năm.

Tổ chức tuyên truyền, quán triệt việc chuyển đổi vị trí công tác đến toàn thể viên chức, người lao động trong đơn vị, không gây ra tâm lý hoang mang, sự xáo trộn trong hoạt động, từ đó yên tâm công tác, nhất là đối với các vị trí nhạy

cảm, dễ phát sinh tham nhũng tiêu cực, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định. Trong kỳ báo cáo thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với 37 viên chức (*các vị trí kế toán, tổ chức cán bộ, cấp giấy chứng nhận An toàn vệ sinh thực phẩm*).

b) Đánh giá việc thực hiện

Công tác rà soát, tuyên truyền, tổ chức chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện theo hướng công khai, minh bạch, khách quan; viên chức được chuyển đổi chấp hành phân công và tiếp nhận nhiệm vụ mới theo đúng quy định.

c) Kiến nghị cụ thể: Không.

**5. Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và thanh toán không dùng tiền mặt**

a) Kết quả thực hiện

Tiếp tục thực hiện các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo về công tác cải cách hành chính; duy trì hoạt động hộp thư công vụ, chữ ký số, phần mềm quản lý văn bản, phần mềm khám bệnh, chữa bệnh (HIS) và bệnh án điện tử (EMR)... Tiếp tục tập trung thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tiếp tục triển khai thanh toán, trả lương, thưởng, phụ cấp cho viên chức và người lao động qua tài khoản ngân hàng; các khoản trích nộp theo lương, thanh toán các chi phí hành chính, mua sắm tài sản đúng theo quy định. Đẩy mạnh việc thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh không dùng tiền mặt theo kế hoạch.

b) Đánh giá việc thực hiện

Bệnh viện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khám chữa bệnh, thanh toán, báo cáo và thanh toán không dùng tiền mặt nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch, trách nhiệm và khả năng kiểm soát các khoản thu, chi và hoạt động công vụ góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc.

Ứng dụng trong chuyển đổi số một số khâu còn xử lý thủ công; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, hạ tầng công nghệ và bảo đảm an toàn thông tin cần tiếp tục rà soát, khắc phục để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

c) Kiến nghị cụ thể: Không.

**6. Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn**

a) Kết quả thực hiện

Đơn vị xác định người có nghĩa vụ kê khai, hình thức kê khai; hướng dẫn, tổ chức kê khai; viên chức thuộc các đối tượng thực hiện nghiêm việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định. Việc kê khai, tiếp nhận, quản lý, bàn giao, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập đảm bảo theo quy định. Việc tiếp nhận thông

tin phản ánh, yêu cầu giải trình, xác minh và xử lý vi phạm (nếu phát sinh) được thực hiện đúng căn cứ pháp luật, bảo đảm bảo mật thông tin.

b) Đánh giá việc thực hiện

Việc kê khai đảm bảo đúng đối tượng, đầy đủ, trung thực, đúng thời hạn; quản lý và bàn giao hồ sơ chặt chẽ; việc công khai đúng hình thức và phạm vi; xử lý kịp thời thông tin về sai lệch hoặc biến động tài sản, thu nhập theo thẩm quyền.

c) Kiến nghị cụ thể: Không.

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

#### 1. Kết quả nổi bật

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được bệnh viện quan tâm triển khai thực hiện, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng Đảng, chính quyền, đội ngũ cán bộ, CCHC và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh.

Công tác CCHC, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số có chuyển biến rõ nét; bệnh viện đã triển khai bệnh án điện tử, 100% không sử dụng bệnh án giấy từ ngày 01/4/2026. Công tác tiếp nhận, giải quyết phản ánh của người dân được quan tâm. Hàng năm trên 1.000 TTHC nội bộ được tiếp nhận, giải quyết đúng quy trình, thời gian; không có đơn thư kiến nghị, phản ánh liên quan đến TTHC. Công tác tổ chức cán bộ được thực hiện theo quy trình; công tác đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí cán bộ được quan tâm; đội ngũ cán bộ, đảng viên giữ vững phẩm chất, đạo đức, tinh thần trách nhiệm trong công việc.

**2. Hạn chế:** Viên chức làm kiêm nhiệm công tác phòng chống tham nhũng nên còn có những khó khăn, hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ. Tổng hợp thông tin, báo cáo phòng, chống tham nhũng còn khó khăn nhất định.

**3. Nguyên nhân:** Viên chức kiêm nhiệm, chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ; đồng thời, khối lượng công việc chuyên môn lớn, việc cập nhật, tổng hợp thông tin còn khó khăn, ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ báo cáo.

#### VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không.

Trên đây là Báo cáo của Bệnh viện Đa khoa Than Uyên về đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng (từ ngày 01/7/2019 đến ngày 30/6/2026)./.

**Nơi nhận:**

- Sở Y tế (B/c);
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, TCHC.





**Tổng hợp kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng**  
 Số liệu tính từ ngày 01/7/2019 đến ngày 30/6/2026  
 (Kèm theo Báo cáo số: BC-BV, ngày 21/10/2026 của BVĐK Than Uyên)

| STT        | NỘI DUNG                                                                                                                                                             | ĐVT        | SỐ LIỆU |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------|
| <b>I.</b>  | <b>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</b>                                                                                                |            |         |
| 1          | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động                                                | CQ, TC, ĐV | 0       |
| 2          | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện, xử lý vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động                                                     | CQ, TC, ĐV | 0       |
| 3          | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về trách nhiệm giải trình                                                                      | CQ, TC, ĐV | 0       |
| 4          | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện, xử lý vi phạm quy định về trách nhiệm giải trình                                                                           | CQ, TC, ĐV | 0       |
| <b>II</b>  | <b>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>                                                                                                            |            |         |
| 5          | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới                                                                                                      | Văn bản    | 08      |
| 6          | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ                                                                                          | Văn bản    | 08      |
| 7          | Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ                                                                              | Cuộc       | 0       |
| 8          | Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ                                                                                                           | Vụ         | 0       |
| 9          | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ                                                                                                        | Người      | 0       |
| 10         | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính                                                                                 | Người      | 0       |
| 11         | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự                                                                                    | Người      | 0       |
| 12         | Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0       |
| 13         | Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường                                                                                      | Triệu đồng | 0       |
| <b>III</b> | <b>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</b>                                                                                                      |            |         |
| 14         | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn                                                           | CQ, TC, ĐV | 0       |
| 15         | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý                                                                      | Người      | 0       |
| 16         | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị                                                                                                                              | Người      | 0       |
| 17         | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)                                                              | Triệu đồng | 0       |
| 18         | Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích                                                                                                                  | Người      | 0       |

| STT        | NỘI DUNG                                                                                                                                                  | ĐVT          | SỐ LIỆU |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------|
| 19         | Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ                                          | Người        | 0       |
| <b>IV</b>  | <b>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</b>                                                                                         |              |         |
| 20         | Số cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng                                                      | Người        | 37      |
| 21         | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng                                                                | Người        | 37      |
| <b>V</b>   | <b>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và thanh toán không dùng tiền mặt</b>                                                 |              |         |
| 22         | Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị                                                                                | Thủ tục      | 0       |
| 23         | Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị                                                                | Thủ tục      | 0       |
| 24         | Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên                                                                     | Lượt thủ tục | 0       |
| 25         | Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt                                                                                 | Cuộc         | 0       |
| 26         | Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt                                                                               | Vụ           | 0       |
| 27         | Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)                                                                                 | Triệu đồng   | 0       |
| 28         | Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)                                                                                                    | %            | 0       |
| <b>VI</b>  | <b>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</b>                                                              |              |         |
| 29         | Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ                                                                                                  | Người        | 235     |
| 30         | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập                                                                                                     | Người        | 0       |
| 31         | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập                              | CQ, TC, ĐV   | 0       |
| 32         | Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập                                                                                    | Người        | 0       |
| 32.1       | <i>Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực</i>                                                                                  | Người        | 0       |
| 32.2       | <i>Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập</i>                                                                              | Người        | 0       |
| <b>VII</b> | <b>Phòng, chống tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước</b>                                                                                               |              |         |
| 33         | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý                                     | Tổ chức      | 0       |
| 34         | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN | Tổ chức      | 0       |
| 35         | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN                  | Tổ chức      | 0       |